ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17 /2024/QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức, số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung, thẩm quyền khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Thực hiện ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 150-KL/TU ngày 03/7/2024; Nghị quyết số 179/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh về số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1951/TTr-STC ngày 10/5/2024 và Văn bản số 3573/STC-GCS&TCDN ngày 15/8/2024 (kèm Báo cáo thẩm định số 721/BC-STP ngày 19/4/2024 của Sở Tư pháp); ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh tại phiên họp ngày 20/8/2024 (tại Thông báo số 391/TB-UBND ngày 20/8/2024 của UBND tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định một số nội dung của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 72/2023/NĐ-CP) giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, gồm:

a) Xác định và công bố công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

b) Quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

c) Quyết định phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

d) Quy định thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 7 Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

đ) Quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường (sau đây gọi chung là thực hiện nhiệm vụ đặc thù) theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

2. Đối với số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của từng cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy) và đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, đối tượng áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của các cơ quan, đơn vị của Đảng thuộc tỉnh quản lý được thực hiện theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 8, khoản 8 Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

3. Những nội dung liên quan đến quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, khoán kinh phí sử dụng xe ô tô không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh đoàn Hà Tĩnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh.

2. Các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức, số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Tiêu chuẩn, định mức, số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh; sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh được xác định, công bố và quy định chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung được xác định, công bố tại khoản này được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm; sau mỗi chu kỳ ổn định, phải xác định lại và công bố công khai theo quy định. Việc điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung trong chu kỳ ổn định chỉ áp dụng trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức của các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh và các đơn vị hành chính cấp huyện.

2. Chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung:

a) Đối với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Được trang bị xe ô tô 7 - 8 chỗ 2 cầu hoặc xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi theo nhu cầu sử dụng thực tế. Trong đó, bố trí 02 xe ô tô 2 cầu công suất lớn trong tổng số 18 xe ô tô phục vụ công tác chung của 03 Văn phòng cấp tỉnh tại Văn phòng Tỉnh ủy và Văn phòng UBND tỉnh để phục vụ các nhiệm vụ đặc thù của tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, cụ thể: Văn phòng Tỉnh ủy quản lý, sử dụng 01 xe ô tô 2 cầu công suất lớn với mức giá tối đa là 4.500 triệu đồng; Văn phòng UBND tỉnh quản lý, sử dụng 01 xe ô tô 2 cầu công suất lớn với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng.

b) Đối với sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Được trang bị tối đa 01 xe ô tô 7 - 8 chỗ 2 cầu để bố trí tại văn phòng cơ quan hoặc các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc. Trường hợp văn phòng cơ quan của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đóng trên địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được trang bị thêm 01 xe ô tô 7 - 8 chỗ 2 cầu nhưng không được vượt quá số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Đối với các huyện, thành phố, thị xã: Được trang bị tối đa 02 xe ô tô 7 - 8 chỗ 2 cầu để bố trí tại Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy và Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã (01 xe ô tô 7 - 8 chỗ 2 cầu/01 đơn vị); trường hợp huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được trang bị thêm 02 xe ô tô 7 - 8 chỗ 2 cầu để bố trí tại Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy và Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã (01 xe ô tô 7 - 8 chỗ 2 cầu/01 đơn vị) nhưng không được vượt quá số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được sử dụng theo

quy định tại khoản 1 Điều này. Ngoài Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy và Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã, không thực hiện trang bị xe ô tô 7 - 8 chỗ 2 cầu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc cấp huyện quản lý.

d) Đối với việc trang bị xe ô tô từ 12 - 16 chỗ hoặc trường hợp cần trang bị thêm xe ô tô 7 - 8 chỗ 2 cầu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại điểm b, c khoản này: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:

a) Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung của các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh đoàn Hà Tĩnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh:

Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung (phương thức quản lý trực tiếp).

Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định giao cho các đơn vị thuộc, trực thuộc trực tiếp quản lý, sử dụng hoặc văn phòng cơ quan thực hiện quản lý xe ô tô tập trung để bố trí phục vụ công tác chung cho tất cả đơn vị thuộc, trực thuộc theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP. Trường hợp văn phòng cơ quan thực hiện quản lý xe ô tô tập trung thì không áp dụng định mức về số lượng xe tối đa của văn phòng cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 11 và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

Điều 4. Khoán kinh phí sử dụng xe ô tô

1. Đối tượng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô:

a) Các đối tượng được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; riêng các chức danh thuộc cơ quan, đơn vị của Đảng ở địa phương thực hiện theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định tại khoản 8 Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

b) Đối với các chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác được quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô và các đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP tại các đơn vị không thực hiện trang bị xe ô tô theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được áp dụng theo Quy định này.

2. Nguyên tắc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô:

a) Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phải đảm bảo đúng đối tượng, không phát sinh tăng chi phí hàng năm, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b) Khi thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác, đối tượng nhận khoán được thanh toán các khoản khác (ngoài chi phí đi lại) theo chế độ quy định và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

3. Các nội dung gồm: Công đoạn khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, hình thức và mức khoán kinh phí, đơn giá khoán thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

4. Thẩm quyền quyết định việc áp dụng khoán, hình thức, công đoạn, đơn giá, mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 7 Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP: Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước nơi có chức danh công tác được hưởng chế độ khoán xe quyết định việc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại đơn vị.

Điều 5. Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù

1. Ngoài số xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này, các cơ quan, đơn vị được trang bị thêm số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung để thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường được quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, đơn vị, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư, mua sắm, điều chuyển, thuê theo quy định của pháp luật quyết định việc trang bị xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước:

a) Căn cứ vào số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Quyết định này, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp hoặc kết hợp cả hai phương thức cho phù hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Sở Tài chính để theo dõi. Trên cơ sở phương thức quản lý được áp dụng, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức thực hiện sắp xếp, xử lý xe ô tô để quản lý, sử dụng theo đúng quy định; chủ động bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách cho các lái xe theo quy định, phối hợp Sở Nội vụ để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước căn cứ thẩm quyền được quy định tại khoản 4 Điều 4 Quyết định này quyết định và tổ chức thực hiện các nội dung được quy định tại khoản 7, khoản 11 Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP để thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo đúng quy định.

Bổ sung nội dung khoán kinh phí sử dụng xe ô tô vào Quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện và thông báo công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.

c) Căn cứ vào số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung quy định tại Quyết định này, tình trạng hiện có và nhu cầu cần thiết trang bị, các cơ quan, đơn vị dự toán kinh phí mua sắm, tổng hợp trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật có liên quan. Xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung theo quy định nhằm đảm bảo sử dụng xe đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ lái xe khi xử lý xe ô tô dôi dư và xử lý các khó khăn, vướng mắc có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 9 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, doanh nghiệp cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH_5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Trần Báu Hà

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC, SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung xác định theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa	
			Của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc)	*Của văn phòng cơ quan (chỉ áp dụng cho sở, ban, ngành cấp tỉnh)*
A	**CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP TỈNH**	**135**	**121**	
I	**Các Văn phòng cấp tỉnh**	**18**	**18**	
1	Văn phòng Tỉnh ủy		3	
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh		9	
3	Văn phòng UBND tỉnh		6	
II	**Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh (trừ ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh đoàn Hà Tĩnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh**	**104**	**90**	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	3	3
2	Sở Tài chính	3	3	3
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8	8	3
4	Sở Y tế	13	13	2
5	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	7	7	3
6	Sở Thông tin và Truyền thông	3	3	2
7	Sở Xây dựng	3	3	2
8	Sở Nội vụ	3	3	2
9	Sở Ngoại vụ	2	2	2
10	Sở Công Thương	3	3	3
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5	5	3
12	Sở Khoa học và Công nghệ	4	4	2
13	Sở Tư pháp	3	3	2
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	15	4	3

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung xác định theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa	
			Của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc)	*Của văn phòng cơ quan (chỉ áp dụng cho sở, ban, ngành cấp tỉnh)*
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	5	5	3
16	Sở Giao thông vận tải	3	3	3
17	Thanh tra tỉnh	3	3	3
18	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	3	3	3
19	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	2	1	1
20	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	2	1	1
21	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	2	2	2
22	Hội Nông dân tỉnh	2	2	2
23	Tỉnh đoàn Hà Tĩnh	3	3	2
24	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	2	2	2
25	Hội Cựu chiến binh tỉnh	2	1	1
IV	**Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề)**	**7**	**7**	
1	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	3	3	
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	1	1	
3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	1	
4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	1	1	
5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh	1	1	
V	**Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề**	**6**	**6**	
1	Trường Đại học Hà Tĩnh	2	2	
2	Trường Cao đẳng Y tế	1	1	
3	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh	2	2	
4	Trường Cao đẳng Nguyễn Du	1	1	

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung xác định theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa	
			Của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc)	*Của văn phòng cơ quan (chỉ áp dụng cho sở, ban, ngành cấp tỉnh)*
B	**CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ**	**93**	**93**	
1	Thành phố Hà Tĩnh	6	6	
2	Thị xã Hồng Lĩnh	6	6	
3	Thị xã Kỳ Anh	6	6	
4	Huyện Can Lộc	7	7	
5	Huyện Cẩm Xuyên	8	8	
6	Huyện Đức Thọ	7	7	
7	Huyện Hương Khê	8	8	
8	Huyện Hương Sơn	8	8	
9	Huyện Kỳ Anh	8	8	
10	Huyện Nghi Xuân	7	7	
11	Huyện Lộc Hà	7	7	
12	Huyện Thạch Hà	7	7	
13	Huyện Vũ Quang	8	8	
TỔNG CỘNG (A+B):		**228**	**214**	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục II

SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ BÁN TẢI, XE Ô TÔ TỪ 12 - 16 CHỖ NGỒI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM LÂM, PHÒNG CHỐNG CHÁY RỪNG, PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH TRONG NÔNG NGHIỆP, TUẦN TRA BIÊN GIỚI, PHỤC VỤ NGƯỜI CÓ CÔNG, BẢO TRỢ XÃ HỘI, PHÂN GIỚI CẮM MỐC, ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN, QUAN TRẮC PHÂN TÍCH MẪU MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH HÀ TĨNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Chủng loại	Số lượng	Mục đích sử dụng
1	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**		**24**	
1.1	Chi cục Thủy sản	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp (lĩnh vực thủy sản); quan trắc môi trường
1.2	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp (lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật)
1.3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp (lĩnh vực chăn nuôi và thú y)
1.4	Chi cục Kiểm lâm			
1.4.1	*Văn phòng Chi cục Kiểm lâm*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
		Xe ô tô từ 12-16 chỗ	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.4.2	*Đội Kiểm lâm Cơ động, Phòng cháy chữa cháy rừng*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.4.3	*Hạt Kiểm lâm huyện Thạch Hà*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.4.4	*Hạt Kiểm lâm huyện Vũ Quang*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.4.5	*Hạt Kiểm lâm huyện Hương Khê*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.4.6	*Hạt Kiểm lâm huyện Hương Sơn*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.4.7	*Hạt Kiểm lâm huyện Cẩm Xuyên*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng

STT	Cơ quan, đơn vị	Chủng loại	Số lượng	Mục đích sử dụng
1.4.8	*Hạt Kiểm lâm huyện Nghi Xuân*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.4.9	*Hạt Kiểm lâm huyện Kỳ Anh*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.4.10	*Hạt Kiểm lâm huyện Đức Thọ*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.4.11	*Hạt Kiểm lâm huyện Lộc Hà*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.4.12	*Hạt Kiểm lâm huyện Can Lộc*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.4.13	*Hạt Kiểm lâm thị xã Hồng Lĩnh*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.4.14	*Hạt Kiểm lâm thị xã Kỳ Anh*	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng
1.5	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng
1.6	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hồng Lĩnh	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng
1.7	Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Hà Tĩnh	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng
1.8	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hương Khê	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng
1.9	Ban Quản lý rừng phòng hộ Ngàn Phố	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy rừng
1.10	Vườn Quốc gia Vũ Quang	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng (Vườn Quốc gia Vũ Quang có Hạt kiểm lâm trực thuộc)
2	**Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**		**1**	
2.1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường
3	**Sở Lao động, Thương binh và xã hội**	Xe ô tô từ 12-16 chỗ	**1**	Thực hiện nhiệm vụ phục vụ người có công, bảo trợ xã hội
4	**Sở Tài nguyên và Môi trường**		**1**	
4.1	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	Xe ô tô bán tải	1	Thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH